

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 6 năm 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 591/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 591/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1971; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Tiến D, sinh năm 1968; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 65 Đinh Thị V, tổ 25, phường An K, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn - bà Huỳnh Thị Thu H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi kết hôn với nhau vào năm 1993 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Ph, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Trong thời gian chung sống với nhau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng tôi cờ bạc, rượu chè, ngược đãi vợ con. Chồng tôi nợ xã hội đen vào các năm 2004, tháng 3 và tháng 9 năm 2019 nên tôi đã bán đất đai,

cầm cổ nhà cửa để trả nợ nhưng chồng tôi vẫn chứng nào tật nấy, không hồi cải. Vì vậy, tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung:

- Lê Huỳnh Thanh L, sinh năm 1994;
- Lê Huỳnh Thanh P, sinh năm 2000.

Các con trưởng thành nên không đề cập đến.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có.

* *Đối với Bị đơn - ông Lê Tiến D:* Từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử không có mặt theo triệu tập; thông báo của Toà án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên toà nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho bà Huỳnh Thị Thu H được ly hôn với ông Lê Tiến D; hai con chung đã thành niên; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Lê Tiến D đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn - bà Huỳnh Thị Thu H trình bày thì bà và ông Lê Tiến D cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 1993 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Ph, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là ông D cờ bạc, rượu chè, ngược đãi vợ con, bà H phải nhiều lần trả nợ xã hội đen thay cho ông D nhưng ông D vẫn chứng nào tật nấy, không hồi cải. Tại phiên tòa hôm nay, bà Huỳnh Thị Thu H xác định tình cảm của bà đối với chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Lê Tiến D.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của bà Huỳnh Thị Thu H và ông Lê Tiến D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, bà H cho rằng không chấp nhận được lối sống và không còn tình cảm

với ông D nữa nên có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn là đúng quy định của pháp luật. Về phía ông D không tham gia tố tụng dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ - Điều này thể hiện ông Lê Tiến D cũng đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng bà H ông D trong thời gian sống chung có phát sinh mâu thuẫn như bà H trình bày là đúng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn của bà H ông D đã đến mức trầm trọng, cả hai đã không còn muốn duy trì cuộc hôn nhân này, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thu H.

[5] Về quan hệ con chung: Theo bà Huỳnh Thị Thu H thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bà sinh được 02 người con là Lê Huỳnh Thanh L, sinh năm 1994 và Lê Huỳnh Thanh P, sinh năm 2000. Các con chung đã thành niên và phát triển bình thường, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Thu H trình bày tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có. Bị đơn là ông Lê Tiến D vắng mặt nên không có ý kiến về quan hệ này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vấn đề án phí: Nguyên đơn - bà Huỳnh Thị Thu H phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định.

[8] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn" của bà Huỳnh Thị Thu H đối với ông Lê Tiến D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thu H được ly hôn với ông Lê Tiến D.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01/93, quyển số 01, ngày 15 tháng 2 năm 1993, của Ủy ban nhân dân xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.)

2. Về quan hệ con chung: Bà Huỳnh Thị Thu H và ông Lê Tiến D có 02 con chung tên là Lê Huỳnh Thanh L, sinh năm 1994 và Lê Huỳnh Thanh P, sinh năm 2000.

Các con chung đã thành niên và phát triển bình thường, không giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: không giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001580 ngày 12 tháng 12 năm 2019.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND X.Hòa Phát, H.Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai